**TOÁN**

**TÍNH GIÁ TRỊ CỦA BIỂU THỨC (TIẾP THEO)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Tính giá trị của biểu thức số có các phép tính cộng, trừ, nhân, chia có đến hai dấu phép tính và không có dấu ngoặc.
- Vận dụng để giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến tính toán.

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất**: trách nhiệm, yêu nước, nhân ái.

Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: tranh SGK

- HS: SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động Khởi động: (5 phút)**a. Mục tiêu: Tạo cảm xúc vui tươi, kết nối với chủ đề bài học.b. Phương pháp, hình thức tổ chức: đàm thoạic. Hình thức: nhóm đôi |
| – HS quan sát bức tranh gặt lúa.– GV giới thiệu ngắn gọn: Vào mùa gặt, người ta có thể dùng máy để gặt lúa.+ Máy sẽ gặt, đập rồi đóng lúa vào bao.+ Sau đó máy cuộn rơm thành các bó rơm có dạng hình gì?GV tổng kết:+ Có 3 đống rơm, mỗi đống rơm có 5 bó 5 được lấy 3 lần 5 × 3+ Có 2 bó rơm lẻ và 5 × 3 bó rơm 2 + 5 × 3- Giới thiệu bài - Ghi tên bài. | – HS nhóm đôi quan sát các bó rơm, viết biểu thức tính tất cả số bó rơm trên thửa ruộng.– HS có thể viết theo các cách khác nhau- Lắng nghe- Mở vở ghi bài |
| **2. Hoạt động Kiến tạo tri thức mới (27 phút)** |
| **2.1 Hoạt động 1 (12 phút): Khám phá**a. Mục tiêu: Hình thành quy tắc tính giá trị của biểu thức có các phép tính cộng, trừ, nhân, chia có đến hai dấu phép tính.b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề. c. Hình thức: **Cá nhân - Lớp** |
| – GV: Để tính số bó rơm có tất cả, ta tính giá trị của biểu thức 2 + 5 × 3.– GV giới thiệu thứ tự thực hiện các phép tính (vừa nói vừa viết bảng):Biểu thức có các phép tính cộng, trừ, nhân, chia:ta thực hiện các phép tính nhân, chia trước; rồi thực hiện các phép tính cộng, trừ sau.– GV hướng dẫn tính giá trị của biểu thức và trình bày+ Biểu thức này có mấy dấu phép tính? + Ta tính theo thứ tự nào? + Trình bày như sau (GV viết trên bảng lớp)2 + 5 × 3 = 2 + 15 = 17Lưu ý, cũng có thể trình bày như sau:2 + 5 × 3= 2 + 15= 17Giáo viên gọi hs nêu kết quả.+ Có tất cả bao nhiêu bó rơm? + gv yêu cầu hs đếm các bó rơm trong bức tranh để kiểm tra.+ Nếu làm theo thứ tự từ trái sang phải thì kết quả là bao nhiêu bó rơm?– HS **nhắc lại** thứ tự thực hiện phép tính.  | Hs quan sátHọc sinh trả lời(Hai dấu phép tính: cộng và nhân.)(Nhân trước, cộng sau.)HS viết trên bảng con.+ HS nói: 17 là giá trị của biểu thức 2 + 5 × 3.+ 17 bó rơm+ 21 bó Sai+ Hs có thể nói ngắn gọn: *Nhân, chia trước; cộng, trừ sau*.) |
| **2.2 Hoạt động 2 (15 phút): Thực hành**a. Mục tiêu: Vận dụng để giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến tính toán.b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Phương pháp thực hành, đàm thoại, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm. c. Hình thức: **Cá nhân - Cặp - Lớp** |
| **Bài 1:** - Quan sát và giúp đỡ HS trình bày và thực hiện đúng theo thứ tự**Bài 2:**– GV nhóm đôi HS **đọc** yêu cầu, **thảo luận** tìm cách giải thích.– Khi sửa bài, HS **giải thích** vì sao đúng hoặc sai.a) Đúng (chỉ có cộng, trừ từ trái sang phải).b) Đúng (chỉ có nhân, chia từ trái sang phải).c) Sai (50 không là giá trị của biểu thức;cộng và nhân nhân trước, cộng sau giá trị của biểu thức là 18).**Vui học**Giáo viên yêu cầu hs quan sát tranhHọc sinh làm vào vở và trình bày kết quả.– GV tổng kết.GV lưu ý HS: Nếu có quá nhiều quả cà chua không đếm xuể; nếu các phép tính phức tạp không tính nhẩm được; khi đó việc viết biểu thức rồi tìm giá trị của biểu thức sẽ rất hữu ích. | – HS **đọc** yêu cầu, **thực hiện** cá nhân rồi **chia sẻ** nhóm đôi.– Khi sửa bài, HS trình bày thứ tự thực hiện các phép tính.Dự kiến kết quả:a) 80 – 2 × 7 = 80 – 14 = 66b) 35 + 12 : 2 = 35 + 6 = 41c) 45 : 5 – 9 = 9 – 9 = 0HS **đọc** yêu cầu, **thảo luận nhóm đôi.****Hs báo cáo kết quả trước lớp**a) Đúng b) Đúng c) Sai**Hs nhận xét - bổ sung**– HS có nhiều cách để làm bài (đếm, nhân và cộng).Học sinh báo cáo kết quả trước lớp.9 + 5 × 7 = 9 + 35 = 44.Có tất cả 44 quả cà chua. |
| **\* Hoạt động nối tiếp: (3 phút)**a. Mục tiêu: HS ôn lại những kiến thức, kĩ năng đã học, chuẩn bị bài cho tiết sau.b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Phương pháp đàm thoại. c. Hình thức: **Cá nhân**  |
| – HS nói thứ tự thực hiện các phép tính trong một biểu thức: | 1 số học sinh nhắc lại.- Về nhà xem lại bài chuần bị bài “ Tính giá trị của biểu thức (tiếp theo)” |

 **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

**TOÁN**

**TÍNH GIÁ TRỊ CỦA BIỂU THỨC (tiếp theo)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết được biểu thức có dấu ngoặc.

- Tính được giá trị của biểu thức số có đến hai dấu phép tính và có dấu ngoặc theo
nguyên tắc thực hiện trong dấu ngoặc trước.

- Vận dụng để giải quyết vấn đề đơn giản liên quan đến tính toán.

 **2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, mô hình hoá toán học.

**3. Phẩm chất**: trách nhiệm, yêu nước, nhân ái.

Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: tranh SGK

- HS: SGK, vở

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động Khởi động: (5 phút)**a. Mục tiêu: Tạo cảm xúc vui tươi, kết nối với chủ đề bài học.b. Phương pháp, hình thức tổ chức: đàm thoạic. Hình thức: nhóm đôi |
| – HS quan sát hình ảnh trên bảng lớp.– GV yêu cầu HS: **viết biểu thức** tính tất cả số bút chì trong mỗi hình.Có thể chia lớp thành hai nhóm, mỗi nhóm tính số bút chì ở một hình. Đại diện nhóm báo cáo.GV tổng kết:**GV:** Với các biểu thức có dấu ngoặc, có riêng quy tắc về thứ tự thực hiện các phép tính.- Giới thiệu bài - Ghi tên bài. | - HS nhóm đôi **thực hiện**.- HS có thể viết theo các cách khác nhau.- Mở vở ghi tên bài. |
| **2. Hoạt động Kiến tạo tri thức mới (27 phút)** |
| **2.1 Hoạt động 1 (12 phút): Khám phá**a. Mục tiêu: **Giới thiệu biểu thức có dấu ngoặc và hình thành quy tắc tính giá trị của biểu thức có đến hai dấu phép tính và có dấu ngoặc** b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề. c. Hình thức: **Cá nhân - Lớp** |
| – GV giới thiệu thứ tự thực hiện các phép tính (vừa nói vừa viết bảng):Khi tính giá trị của biểu thức có dấu ngoặc ( ) thì trước tiên ta thực hiện các phép tínhtrong ngoặc.– GV hướng dẫn tính giá trị của biểu thức và trình bày.+ Biểu thức này có gì đặc biệt? + Ta tính theo thứ tự nào? + Trình bày như sau (GV viết trên bảng lớp, HS viết vào bảng con):(2 + 3) × 4 = 5 × 4 = 20Lưu ý, cũng có thể trình bày như sau:(2 + 3) × 4= 5 × 4= 20+ Có tất cả bao nhiêu bút chì? + Giá trị của biểu thức 2 + 3 × 4 là bao nhiêu? GV lưu ý HS: Tuy các số tham gia phép tính và các phép tính trong hai biểu thức đều giống nhau nhưng do biểu thức thứ hai có dấu ngoặc nên giá trị của hai biểu thức khác nhau. | 1 số hs trả lời trước lớp+ Biểu thức có dấu ngoặc.+ Trong ngoặc trước, ngoài ngoặc sau.+ HS nói: 20 là giá trị của biểu thức (2 + 3) × 4.***+*** 20 bút chì. HS đếm số bút chì trong hình thứ hai để kiểm tra.+ 14– HS **nhắc lại** thứ tự thực hiện phép tính. (Có thể nói ngắn gọn: *Trong ngoặc trước; ngoài ngoặc sau.*) |
| **2.2 Hoạt động 2 (15 phút): Thực hành**a. Mục tiêu: Hs biết tính được giá trị của biểu thức số có đến hai dấu phép tính và có dấu ngoặc theo nguyên tắc thực hiện trong dấu ngoặc trước.b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Phương pháp thực hành, đàm thoại, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm. c. Hình thức: **Cá nhân - Cặp - Lớp** |
| **Bài 1: Gv yêu cầu hs nêu yêu cầu của bài**– Khi sửa bài, HS trình bày thứ tự thực hiện các phép tính.Giáo viên nhận xét-sửa bài.**Bài 2:****Giáo viên yêu cầu học sinh đọc bài toán và phân tích**- Yêu cầu lớp giải bài toán vào vở. - Giáo viên đánh giá, nhận xét vở 1 số em.- Cho học sinh làm đúng lên chia sẻ cách làm bài.**Thử thách**- Yêu cầu lớp giải bài toán vào vở. - Giáo viên đánh giá, nhận xét vở 1 số em.- Cho học sinh làm đúng lên chia sẻ cách làm | – HS **đọc** yêu cầu, **thực hiện** cá nhân rồi **chia sẻ** nhóm đôi.Dự kiến kết quả:a) 80 – (30 + 25) = 80 – 55 = 25b) (72 – 67) × 8 = 5 × 8 = 40c) 50 : (10 : 2) = 50 : 5 = 10– HS nhóm đôi **đọc** kĩ đề bài, **xác định** cái đã cho và câu hỏi của bài toán.– HS **tìm** cách giải. HS **làm** bài cá nhân.Bài giải1 + 4 = 5Mỗi túi có 5 quyển truyện và vở.5 × 10 = 5010 túi có 50 quyển truyện và vở.– HS thảo luận nhóm và làm bài.- Hs báo cáo kết quả. Nhận xét. |
| **\* Hoạt động nối tiếp: (3 phút)**a. Mục tiêu: HS ôn lại những kiến thức, kĩ năng đã học, chuẩn bị bài cho tiết sau.b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Phương pháp đàm thoại. c. Hình thức: **Cá nhân** |
| – Yêu cầu hs nói thứ tự thực hiện các phép tính trong một biểu thức. | 1 số học sinh nhắc lại.- Về nhà xem lại bài chuần bị bài “Làm tròn số” |

 **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

**TOÁN**

**LÀM TRÒN SỐ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

– Làm quen với việc làm tròn số đến hàng chục, hàng trăm.

**2. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Tư duy và lập luận toán học, giao tiếp toán học, mô hình hoá toán học.

**3. Phẩm chất**: trách nhiệm, chăm chỉ, yêu nước, nhân ái.

Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: SGK, hình vẽ tia số cho bài học, bài thực hành và bảng hiệu lệnh cho Luyện tập 2 (nếu cần).

- HS: SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động Khởi động: (5 phút)**a. Mục tiêu: Tạo cảm xúc vui tươi, kết nối với chủ đề bài học.b. Phương pháp, hình thức tổ chức: trò chơic. Hình thức: nhóm đôi |
| Có thể dùng trò chơi chuyển tải các nội dung sau:– Xác định mỗi chữ số của một số ở hàng nào.– Xác địnhsố tròn trăm, tròn chục.GV giải thích: Trong cuộc sống, người ta thường làm tròn số để người nghe dễ nhận biết và dễ nhớ các số.- Giới thiệu bài - Ghi tên bài. | HS tham gia trò chơiNhận xét-tuyên dương- Mở vở ghi bài. |
| **2. Hoạt động Kiến tạo tri thức mới (27 phút)** |
| 2.1 Hoạt động 1 (12 phút): Khám pháa. Mục tiêu: Làm quen với việc làm tròn số đến hàng chục, hàng trăm. b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề. c. Hình thức: **Cá nhân - Lớp** |
| **1. Làm tròn số đến hàng chục**– GV vẽ (hoặc treo) tia số lên bảng lớp cho HS **quan sát**, GV chỉ vào các vạch trên tia số cho HS **đọc** các số từ 60 đến 70.– GV đặt vấn đề: Các em quan sát và cho biết các số này gần với số tròn chục nào hơn.– GV chỉ tay vào tia số và giới thiệu:Khi làm tròn một số đến hàng chục, ta được số tròn chục gần số đó hơn.Nếu số đó ở chính giữa hai số tròn chục, ta chọn số tròn chục lớn hơn.– GV: Khi thực hành (không phải lúc nào cũng có tia số), ta làm như thế nào?**2. Làm tròn số đến hàng trăm**– Tương tự với làm tròn số đến hàng chục | - HS **đọc** các số từ 60 đến 70.- HS **đọc** lần 2, GV kết hợp viết thêm các số vào tia số.HS **đọc** lần 3: GV chỉ vào các vạch có số, HS đọc (60; 62; 65; 67; 70).Hs lần lượt trả lời+ 62 gần số 60 hơn.+ 65 ở chính giữa hai số tròn chục + 60 và 70, không gần số nào hơn.+ 67 gần số 70 hơn.HS (nhóm bốn) tìm hiểu nội dung SGK, thảo luận và trình bày.– Khi làm tròn số đến hàng chục, ta quan sát chữ số hàng đơn vị.HS tự tìm hiểu và trả lời:– Khi làm tròn số đến hàng trăm, ta quan sát chữ số hàng chục. |
| **2.2 Hoạt động 2 (15 phút): Thực hành**a. Mục tiêu: Vận dụng với việc làm tròn số đến hàng chục, hàng trăm. b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Phương pháp thực hành, đàm thoại, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm. c. Hình thức: **Cá nhân - Cặp - Lớp** |
| Bài 1:- Giáo viên hướng dẫn mẫu rồi yêu cầu học sinh làm bài.– HS làm cá nhân rồi chia sẻ trong nhóm 4.- Giáo viên quan sát, giúp đỡ những em lúng túng chưa biết làm bài.Bài 2:Đọc từng câu.Quan sát biển báo, nhận biết số đo thực tế và số sau khi làm tròn:GV gắn bảng hiệu lệnh lên bảng lớp, một HS đọc từng câu, giải thích – cả lớp đưa bảng Đ – S.**Đất nước em**– GV yêu cầu hs thảo luận nhóm đôi– Sửa bài, khuyến khích HS nói cách làm. GV có thể giới thiệu sơ lược những cây cầu xi măng được xây dựng ở nông thôn giúp cho việc đi lại của người dân được thuận tiện và việc trao đổi hàng hoá giữa các địa phương cũng dễ dàng hơn. | HS làm cá nhân rồi chia sẻ trong nhóm 4 \* Kết quả 50; 100; 600; 1 000.HS làm bài cá nhân rồi nói với bạn câu trả lời.\* Kết quả: S – Đ – Đ – S.– HS thảo luận nhóm đôi, nhận biết yêu cầu, thực hiện cá nhân và nói với bạn. |
| **\* Hoạt động nối tiếp: (3 phút)**a. Mục tiêu: HS ôn lại những kiến thức, kĩ năng đã học, chuẩn bị bài cho tiết sau.b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Phương pháp đàm thoại. c. Hình thức: **Cá nhân** |
| Gv yêu cầu hs nhắc lại cách làm tròn số. | – Hs nhắc lại cách làm tròn số.- Về nhà xem lại bài chuần bị bài “ Làm quen với chữ số La Mã” |

 **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

**TOÁN**

**LÀM QUEN VỚI CHỮ SỐ LA MÃ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Nhận biết được ba chữ số La Mã: I, V, X.
 - Đọc, viết các số tự nhiên trong phạm vi 20 bằng cách sử dụng chữ số La Mã.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Giao tiếp toán học; mô hình hoá toán học; sử dụng công cụ, phương tiện học toán; giải quyết vấn đề toán học.

**3. Phẩm chất**: chăm chỉ, trách nhiệm, yêu nước.

Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội, Tiếng Việt.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: Mô hình đồng hồ thứ nhất chỉ có bốn số 12, 3, 6, 9; Mô hình đồng hồ thứ hai có số ghi bằng số La Mã. (Hai mô hình này có thể thay thế bởi hình vẽ trên bảng, khi cần thiết GV vẽ kim đồng hồ.)

- HS: SGK, Tư liệu giáo viên yêu cầu.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động Khởi động: (5 phút)**a. Mục tiêu: Tạo cảm xúc vui tươi, kết nối với chủ đề bài học.b. Phương pháp, hình thức tổ chức: trò chơic. Hình thức: cá nhân |
| **Trò chơi:** Xem đồng hồ.– GV dùng mô hình đồng hồ thứ nhất, xoaykim để đồng hồ chỉ giờ đúng (kim phút chỉ số 12).- Giới thiệu bài - Ghi tên bài. | HS tham gia trò chơi– HS **đọc** giờ.- Mở vở ghi bài |
| **2. Hoạt động Kiến tạo tri thức mới (27 phút)** |
| **2.1 Hoạt động 1 (12 phút): Khám phá**a. Mục tiêu: Nhận biết được ba chữ số La Mã: I, V, X.b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Phương pháp vấn đáp, động não, quan sát, thực hành, đặt và giải quyết vấn đề. c. Hình thức: **Cá nhân - Lớp** |
| **1. Giới thiệu ba chữ số La Mã: I, V, X**– GV yêu cầu hs **xem** đồng hồ phần Khởi động (SGK) và **đọc** giờ.– GV giới thiệu cho HS biết các số ghi trên mặt đồng hồ là các số ghi bằng chữ số La Mã.– GV giới thiệu ba chữ số thường dùng: I, V, X.+ GV viết lên bảng: I (diễn giải: chữ I in).+ Giới thiệu: đây là chữ số La Mã.+ GV đọc: “một”, HS **đọc** theo.Làm tương tự chữ số V (năm), X (mười). Sau đó, GV chỉ vào mỗi số (I, V, X) vừa viết vừacho HS đọc lại.– HS **tìm** ba chữ số vừa học trên mặt đồng hồ (gắn trên bảng lớp).**2. Giới thiệu cách đọc, viết các số La Mã trong phạm vi 20*a) Các số La Mã từ 1 đến 12***– GV giới thiệu cách đọc, viết các số La Mã từ một (I) đến mười hai (XII).– GV giới thiệu sơ lược, HS bước đầu **làm quen** giá trị các chữ số khi đứng cạnh nhau.+ Số II (hai chữ số I viết liền nhau nên có giá trị là “hai”).+ Số IV, IX (chữ số I viết liền bên trái chỉ giá trị V hay X bớt đi một đơn vị).+ Số VI, XI (chữ số I viết liền bên phải chỉ giá trị V hay X tăng thêm một đơn vị).Gv yêu cầu học sinh viết chữ số La Mãa) 1, 5, 10 b) 4, 9 c) 10, 11, 121, 2, 3 6, 7, 8.***b) Các số La Mã từ 13 đến 20***– GV giới thiệu cách đọc, viết các số La Mã từ mười ba (XIII) đến hai mươi (XX).+ GV vừa viết vừa đọc.+ Gv yêu cầu hs **viết** một vài số bằng chữ số La Mã: 13, 14, 15, 20. | – HS lần lượt **xem** đồng hồ phần Khởi động (SGK) và **đọc** giờ.Hs nhắc lại I,V,X ( một, năm, mười)1 số học sinh lần lượt tìm ba chữ số trên mặt đồng hồ.Hs quan sát theo dõi HS **đọc** các chữ số La Mã trên mặt đồng hồ (trên bảng lớp).– HS **viết** các số sau bằng chữ số La Mã (nhìn mẫu trên bảng để viết):Hs quan sát theo dõi+ HS **đọc** các số La Mã từ mười ba (XIII) đến hai mươi (XX).+ HS **viết** một vài số bằng chữ số La Mã: 13, 14, 15, 20 (nhìn mẫu trên bảng để viết). |
| **2.2 Hoạt động 2 (15 phút): Thực hành**a. Mục tiêu: Đọc, viết các số tự nhiên trong phạm vi 20 bằng cách sử dụng chữ số La Mã. b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Phương pháp thực hành, đàm thoại, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm. c. Hình thức: **Cá nhân - Cặp - Lớp** |
|  Bài 1:– Gv yêu cầu hs hoạt động nhóm đôi–GV cho HS đọc các số La Mã theo cột dọc, hàng ngang, theo thứ tự bất kì.Bài 2: Chuyển xuống hoạt động củng cố.**Vui học**gv yêu cầu hs đọc các câu trong hình.GV có thể nói thêm về Hội khoẻ Phù Đổng và nói về ích lợi của việc đọc sách. | – HS hoạt động nhóm đôi, các em đọc cho nhau nghe.1 số hs trình bày trước lớp.Nhận xét chốt ý.HS lần lượt đọc các câu trong hình. |
| **\* Hoạt động nối tiếp: (5 phút)**a. Mục tiêu: HS ôn lại những kiến thức, kĩ năng đã học, chuẩn bị bài cho tiết sau.b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Phương pháp trò chơi. c. Hình thức: Cá nhân |
| Gv tổ chức hs trò chơi.GV dùng mô hình đồng hồ có chữ số La Mã.– GV xoay kim đồng hồ và HS đọc giờ.– GV đọc giờ và HS chạy lên xoay kim đồng hồ.Nhận xét tuyên dương. | Hs tham gia trò chơi- Về nhà xem lại bài chuần bị bài “Em làm được những gì?” |

 **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

**TOÁN**

**EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ? (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

Hệ thống hoá các kiến thức đã học về số, phép tính, giải toán.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, giao tiếp toán học, giải quyết vấn đề toán học.

**3. Phẩm chất**: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

Tích hợp: Toán học và cuộc sống

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- GV: SGK

- HS: SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động Khởi động: (5 phút)**a. Mục tiêu: Tạo cảm xúc vui tươi, kết nối với chủ đề bài học.b. Phương pháp, hình thức tổ chức: trò chơic. Hình thức: nhóm đôi |
| Trò chơi ĐỐ BẠNGV: viết số lên bảng. Ví dụ: 513.GV: Chữ số 3 ở hàng nào?Sau đó HS chơi theo nhóm đôi hoặc chơi theo đội. | Hs tham gia trò chơi theo nhóm.Cả lớp: đọc số “năm trăm mười ba”.Cả lớp: Chữ số 3 ở hàng đơn vị. |
| **2. Hoạt động luyện tập (28 phút):** a. Mục tiêu: Hệ thống hoá các kiến thức đã học về số, phép tính, giải toán. b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Phương pháp thực hành, đàm thoại, đặt và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm. c. Hình thức: **Cá nhân - Cặp - Lớp** |
| Bài 1:Gv yêu cầu hs thực hiện cá nhânGv theo dõi nhận xét.Bài 2:Gv hướng dẫn hs cách làmGv yêu cầu hs làm vào bảng conNhận xét tập của hs.*Lưu ý:* GV cũng có thể đọc lần lượt từng phép tính cho cả lớp thực hiện trên bảng con.Bài 3:Gv hướng dẫn hs cách làmGv yêu cầu hs làm vào bảng conNhận xét tập của hs.*Lưu ý:* GV cũng có thể đọc – viết lần lượt từng biểu thức trên bảng lớp, cho cả lớp thực hiện trên bảng con.Bài 4: Gv hướng dẫn hs cách làmGv yêu cầu hs thực hiện nhóm đôi Đại diện nhóm báo cáoNhận xét | HS thực hiện cá nhân.– HS trình bày trước lớp: Nói kết quả và giải thích tại sao chọn ý đó. HS tìm hiểu bài, nhận biết: đặt tính rồi tính; tính tổng là làm phép cộng, tính hiệu làlàm phép trừ.– HS thực hiện (bảng con).– HS tìm hiểu bài, nhận biết: tính giá trị của biểu thức.– HS thực hiện (bảng con).HS thực hiện nhóm đôi.– Tìm hiểu bài: chỉ cần thay dấu hỏi bởi số thích hợp.– thảo luận, tìm cách thực hiện. |
| **\* Hoạt động nối tiếp: (3 phút)**a. Mục tiêu: HS ôn lại những kiến thức, kĩ năng đã học, chuẩn bị bài cho tiết sau.b. Phương pháp, hình thức tổ chức: Phương pháp trò chơi. c. Hình thức: nhóm 4 |
| Trò chơi AI NHANH HƠN?Gv chia nhóm và hướng dẫn cách chơiNhận xét tuyên dương hs thắng  | Hs tham gia trò chơi theo nhóm- Về nhà xem lại bài chuần bị bài “Em làm được những gì? Tiết 2” |

 **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................

.......................................................................................................................................